

CƠ CHẾ PHÁP LÝ BẢO ĐẢM TÍNH MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG*

Minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước là điều kiện pháp lý quan trọng để kiểm soát quyền lực hành chính, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, nâng cao trách nhiệm giải trình và phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, cấu trúc cơ chế pháp lý bảo đảm tính minh bạch và đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam trên các bình diện: công khai thông tin, giải trình, thủ tục hành chính, chính quyền số, giám sát xã hội và trách nhiệm pháp lý; đồng thời, chỉ ra sự phân tán, thiếu chuẩn thống nhất về dữ liệu mở, chưa rõ cơ chế đo lường chất lượng công khai và khoảng cách giữa quy định với thực thi ở cấp cơ sở. Từ đó, bài viết đề xuất định hướng hoàn thiện theo nguyên tắc minh bạch mặc định, ngoại lệ hợp pháp, giải trình bắt buộc và kiểm soát độc lập.

Từ khóa: Minh bạch; hoạt động hành chính nhà nước; trách nhiệm giải trình; tiếp cận thông tin; cải cách hành chính; chính quyền số.

Transparency in state administrative activities is an essential legal condition for controlling administrative power, safeguarding citizens' right of access to information, enhancing accountability, and preventing corruption and other negative practices. This article analyzes the theoretical foundations and the structure of legal mechanisms for ensuring transparency. It assesses the current legal framework in Vietnam across several dimensions, including information disclosure, accountability, administrative procedures, digital government, social oversight, and legal responsibility. It also identifies shortcomings, such as fragmented regulations, the absence of unified standards for open data, unclear mechanisms for measuring the quality of information disclosure, and the gap between legal provisions and their implementation at the grassroots level. Based on these findings, the article proposes directions for improving the legal framework in accordance with the principles of transparency by default, lawful exceptions, mandatory accountability, and independent oversight.

Keywords: Transparency; state administrative activities; accountability; access to information; administrative reform; digital government.

NGÀY NHẬN: 12/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 08/7/2026

Email: Khanhtrang78gass@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1577>

1. Đặt vấn đề

Trong khoa học luật hành chính, minh bạch không chỉ được hiểu là trạng thái thông tin của cơ quan nhà nước được công khai cho

người dân biết. Minh bạch còn là một phương thức tổ chức quyền lực hành chính theo

* TS, Học viện Khoa học xã hội

hướng có thể nhìn thấy, có thể giải thích, có thể kiểm chứng và có thể quy trách nhiệm. Khi quyết định hành chính, thủ tục hành chính, tiêu chí phân bổ nguồn lực công, dữ liệu ngân sách, quy hoạch, tuyển dụng, kỷ luật công vụ hoặc kết quả giải quyết hồ sơ được trình bày rõ ràng, người dân và doanh nghiệp có cơ sở để dự liệu hành vi của Nhà nước, giám sát việc thực thi công vụ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Ngược lại, sự thiếu minh bạch làm gia tăng chi phí tuân thủ, tạo khoảng trống cho tùy tiện hành chính, làm suy giảm niềm tin công và hạn chế hiệu quả kiểm soát quyền lực.

Ở Việt Nam, việc bảo đảm minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước là điều kiện vận hành thực chất của nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân được ghi nhận trong *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bài viết làm rõ cấu trúc của cơ chế pháp lý bảo đảm minh bạch; nhận diện thành tựu và hạn chế của pháp luật hiện hành, từ đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nền hành chính phục vụ.

2. Cơ sở lý luận về minh bạch và cơ chế pháp lý bảo đảm minh bạch trong hoạt động hành chính

2.1. Khái niệm minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước

Minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước được hiểu là trạng thái và quá trình trong đó thông tin liên quan đến tổ chức, thẩm quyền, quy trình, căn cứ, lý do, kết quả và trách nhiệm của cơ quan hành chính được công khai hoặc cung cấp một cách kịp thời, đầy đủ, dễ hiểu, dễ tiếp cận, có thể kiểm chứng và gắn với khả năng yêu cầu giải trình. Cách hiểu này nhấn mạnh ba điểm: (1) Minh bạch không đồng nhất với công khai tuyệt đối; pháp luật vẫn phải bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bí mật kinh doanh và các lợi ích công cộng chính đáng khác. (2) Minh bạch không chỉ là “đưa thông

tin ra ngoài” mà phải bảo đảm thông tin có chất lượng, đúng ngữ cảnh và có khả năng sử dụng. (3) Minh bạch chỉ có ý nghĩa pháp quyền khi gắn với cơ chế giải trình và chế tài.

Trong lý thuyết quản trị công, minh bạch thường được đặt cạnh trách nhiệm giải trình, liêm chính và sự tham gia của người dân. Khuyến nghị của OECD về chính phủ mở xác định chính phủ mở là văn hóa quản trị thúc đẩy minh bạch, liêm chính, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của các bên liên quan nhằm hỗ trợ dân chủ và tăng trưởng bao trùm (OECD, 2017). Ở bình diện pháp lý, các yếu tố này không tồn tại tách rời. Minh bạch tạo điều kiện để người dân biết; sự tham gia giúp người dân có tiếng nói; giải trình buộc cơ quan công quyền phải lý giải và chịu trách nhiệm; liêm chính hạn chế nguy cơ lợi ích nhóm, tham nhũng và lạm quyền.

2.2. Cấu trúc của cơ chế pháp lý bảo đảm minh bạch

Cơ chế pháp lý bảo đảm minh bạch là tổng thể các quy phạm, thiết chế, thủ tục, công cụ kỹ thuật và chế tài pháp lý nhằm buộc cơ quan hành chính nhà nước công khai hoặc cung cấp thông tin cần thiết, giải thích căn cứ thực thi quyền lực và chịu trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ minh bạch. Cơ chế này được cấu thành bởi các nhóm yếu tố.

(1) *Nhóm quy phạm xác lập quyền và nghĩa vụ.* Về phía người dân, đó là quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện vụ án hành chính. Về phía cơ quan hành chính, đó là nghĩa vụ công khai thông tin chủ động, nghĩa vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu, nghĩa vụ giải trình quyết định, hành vi công vụ và nghĩa vụ lưu giữ, quản trị dữ liệu công. *Luật Tiếp cận thông tin* năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2026) là văn bản trung tâm về quyền tiếp cận thông tin, trong khi *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019, Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25/5/2026 sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019 ND-CP tạo cơ sở pháp lý cho trách nhiệm giải trình trong khu vực công.

(2) *Nhóm thủ tục và phương thức thực hiện.* Minh bạch cần được thiết kế thành quy trình có thể vận hành: công khai trên cổng thông tin điện tử, niêm yết tại bộ phận một cửa, công bố danh mục thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, cung cấp thông tin theo yêu cầu, công khai tiến độ xử lý hồ sơ, đối thoại, tiếp công dân, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động và phản hồi kiến nghị. Nếu thiếu thủ tục, quyền tiếp cận thông tin dễ trở thành tuyên bố chính sách hơn là quyền có thể thực thi.

(3) *Nhóm thiết chế bảo đảm.* Các thiết chế này, gồm: cơ quan hành chính có nghĩa vụ công khai, cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí, tòa án và các cơ chế đánh giá độc lập như PAPI, SIPAS. Trong nhà nước pháp quyền, minh bạch không thể chỉ phụ thuộc vào thiện chí của cơ quan nắm giữ thông tin, cần có cơ chế giám sát bên ngoài và khả năng kiểm tra độc lập.

3. Khung pháp luật hiện hành về bảo đảm minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước ở Việt Nam

3.1. Nền tảng hiến định

Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đặt nền tảng cho minh bạch hành chính thông qua các nguyên tắc về chủ quyền nhân dân, kiểm soát quyền lực, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Điều 2 khẳng định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước. Điều 8 yêu cầu cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân. Các quyền hiến định, như: quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, tham gia quản lý nhà nước và xã hội,

khiếu nại, tố cáo tạo cơ sở cho kiểm soát xã hội đối với hành chính.

Từ nền tảng hiến định đó, minh bạch không phải là sự lựa chọn tùy nghi của cơ quan hành chính mà là yêu cầu pháp quyền gắn với tính chính danh của quyền lực. Cơ quan hành chính càng có quyền can thiệp sâu vào quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức thì càng phải công khai căn cứ và quy trình thực hiện quyền lực. Đặc biệt, các quyết định hành chính bất lợi, như: thu hồi đất, xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành quyết định, từ chối cấp phép, đình chỉ hoạt động hoặc áp dụng biện pháp quản lý chuyên ngành phải được lý giải đầy đủ để bảo đảm khả năng khiếu nại, khởi kiện và giám sát.

3.2. Pháp luật về tiếp cận thông tin và công khai thông tin

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2026) đánh dấu bước phát triển quan trọng khi chuyển tiếp cận thông tin từ yêu cầu quản lý nội bộ sang quyền pháp lý của công dân. *Luật* quy định nguyên tắc bình đẳng trong tiếp cận thông tin, yêu cầu thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi; đồng thời, xác lập hai phương thức cơ bản là công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Ý nghĩa của *Luật Tiếp cận thông tin* nằm ở chỗ người dân không chỉ thụ hưởng thông tin được cơ quan nhà nước tự nguyện công khai mà có quyền yêu cầu cung cấp thông tin khi đáp ứng điều kiện luật định. Tuy nhiên, do chủ thể trực tiếp thực hiện quyền theo *Luật* chủ yếu là công dân, vấn đề tiếp cận thông tin của tổ chức, doanh nghiệp và các chủ thể phi cá nhân cần được xử lý đồng bộ thông qua các luật chuyên ngành, pháp luật doanh nghiệp, đầu tư, báo chí, thống kê, dữ liệu và thủ tục hành chính. Trong điều kiện kinh tế số và quản trị dữ liệu, phạm vi chủ thể tiếp cận và sử dụng thông tin công cần được nhìn nhận rộng hơn, bởi thông tin hành chính không chỉ phục vụ quyền biết mà còn là đầu vào của đổi mới sáng tạo, giám sát xã hội và cung ứng dịch vụ công.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 củng cố một khía cạnh quan trọng của minh bạch thể chế: quy trình xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Minh bạch trong xây dựng chính sách đòi hỏi dự thảo văn bản, báo cáo đánh giá tác động, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và văn bản hướng dẫn áp dụng phải được công bố kịp thời, dễ truy cập.

3.3. Pháp luật về phòng, chống tham nhũng và trách nhiệm giải trình

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đưa công khai, minh bạch vào nhóm biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời, quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền đối với quyết định, hành vi của mình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ khi có yêu cầu của chủ thể bị tác động trực tiếp. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, Nghị định số 184/2026/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa một số nội dung về trách nhiệm giải trình, tiêu chí đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng và các biện pháp phòng ngừa.

Về phương diện lý luận, trách nhiệm giải trình là cầu nối giữa minh bạch và trách nhiệm pháp lý. Schedler (1999) cho rằng, giải trình bao gồm khả năng trả lời và khả năng chịu chế tài; Bovens (2007) nhấn mạnh quan hệ trong đó chủ thể có nghĩa vụ giải thích, chứng minh hành vi của mình trước diễn đàn có quyền đánh giá và đặt hậu quả. Vận dụng vào hành chính nhà nước, công khai thông tin chỉ là bước đầu. Cơ quan hành chính phải có khả năng giải thích tại sao lựa chọn một phương án quản lý, tại sao từ chối hồ sơ, tại sao chậm giải quyết, tại sao áp dụng một biện pháp cưỡng chế và ai chịu trách nhiệm nếu quyết định trái pháp luật gây thiệt hại.

Tuy nhiên, cơ chế giải trình hiện hành vẫn có điểm hạn. Trách nhiệm giải trình theo *Luật Phòng, chống tham nhũng* chủ yếu phát sinh khi có yêu cầu của chủ thể bị tác động trực tiếp, trong khi nhiều quyết định hành chính có tác động lan tỏa đến cộng đồng, thị trường hoặc

nhóm yếu thế nhưng không dễ xác định một chủ thể bị tác động trực tiếp. Vì vậy, cần phát triển mô hình giải trình rộng hơn, bao gồm: giải trình chủ động trước xã hội đối với chính sách, chương trình, dự án công có tác động lớn; giải trình định kỳ về chất lượng dịch vụ công; giải trình trên môi trường số thông qua dữ liệu hoạt động của hệ thống hành chính.

4. Thực trạng và những vấn đề đặt ra

4.1. Thực trạng minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước

Một là, cơ sở pháp lý về minh bạch đã được hình thành tương đối rộng. Các đạo luật và nghị định hiện hành không chỉ quy định quyền tiếp cận thông tin mà còn liên kết minh bạch với phòng, chống tham nhũng, cải cách thủ tục hành chính, chính quyền điện tử, xây dựng chính sách, dân chủ ở cơ sở, khiếu nại, tố cáo và giám sát xã hội. Điều này cho thấy, minh bạch đã trở thành yêu cầu xuyên suốt trong quản lý hành chính nhà nước, không còn là nội dung biệt lập của một đạo luật.

Hai là, cải cách hành chính và chuyển đổi số đã tạo điều kiện vật chất - kỹ thuật cho minh bạch. Việc công khai thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh; triển khai bộ phận một cửa; theo dõi trạng thái hồ sơ; lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng; thanh toán trực tuyến; trả kết quả điện tử là những công cụ trực tiếp giảm bất cân xứng thông tin giữa cơ quan hành chính và người dân. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 xác định cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số là các nội dung trọng tâm.

Ba là, các chỉ số đánh giá quản trị công ngày càng tạo áp lực cải thiện minh bạch. Báo cáo PAPI năm 2024 tiếp tục đo lường các chiều cạnh, như: tham gia ở cấp cơ sở, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình theo chiều dọc, kiểm soát tham nhũng trong khu

vực công, thủ tục hành chính công và cung ứng dịch vụ công (CECODES, RTA & UNDP, 2025). Kết quả SIPAS năm 2024 do Bộ Nội vụ công bố đạt trung bình 83,94%, phản ánh mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước có xu hướng cải thiện (Bộ Nội vụ, 2025). Dù các chỉ số này không thay thế đánh giá pháp lý, chúng cung cấp tín hiệu định lượng để cơ quan quản lý nhận diện điểm nghẽn trong công khai, phục vụ và giải trình.

Bốn là, nhận thức về mối quan hệ giữa minh bạch, giải trình và phòng, chống tham nhũng ngày càng rõ hơn. Thực tiễn xử lý tham nhũng, tiêu cực trong thời gian qua cho thấy, công khai, minh bạch không chỉ là biện pháp tuyên truyền mà là thiết chế phòng ngừa. Nếu quy trình bổ nhiệm, mua sắm công, đấu thầu, đầu tư công, quản lý tài sản công, cấp phép và thanh tra, kiểm tra được công khai theo chuẩn dữ liệu có thể kiểm tra, khả năng phát hiện xung đột lợi ích và lợi ích nhóm sẽ tăng lên.

4.2. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, pháp luật về minh bạch còn phân tán. Sự phân tán là tất yếu trong một hệ thống pháp luật hiện đại nhưng nếu thiếu nguyên tắc chung và cơ chế phối hợp, cơ quan thực thi có thể hiểu khác nhau về phạm vi thông tin phải công khai, lý do từ chối cung cấp thông tin, thời hạn cập nhật, định dạng công bố và trách nhiệm khi vi phạm.

Thứ hai, công khai thông tin còn nặng về hình thức. Nhiều thông tin được đăng tải nhưng khó tìm kiếm, khó tải về, không có định dạng dữ liệu mở, không có lịch sử cập nhật, không có phiên bản đối chiếu, không có người chịu trách nhiệm nội dung hoặc không gắn với phân giải thích dễ hiểu. Nếu văn bản dài, nhiều thuật ngữ, đăng rải rác ở các chuyên mục khác nhau chưa chắc đã tạo ra minh bạch thực chất. Minh bạch thực chất đòi hỏi thông tin đúng, đủ, kịp thời, dễ hiểu, có khả năng so sánh, có khả năng tái sử dụng và có kênh yêu cầu giải thích.

Thứ ba, cơ chế tiếp cận thông tin theo yêu cầu chưa thuận tiện. Thủ tục yêu cầu thông

tin vẫn có thể tạo gánh nặng cho người dân nếu mẫu biểu, kênh tiếp nhận, thời hạn trả lời, lệ phí sao chụp, cách thức từ chối và cơ chế khiếu nại không được chuẩn hóa và số hóa đầy đủ. Trong môi trường số, người dân kỳ vọng phần lớn thông tin công phải được công khai chủ động, còn yêu cầu cung cấp thông tin chỉ là cơ chế bổ sung. Nếu cơ quan nhà nước chỉ đáp ứng khi có yêu cầu, minh bạch sẽ bị động và chi phí tiếp cận vẫn cao.

5. Một số kiến nghị

Một là, xác lập nguyên tắc “minh bạch mặc định, hạn chế theo luật định”.

Trước hết, cần phát triển nguyên tắc “minh bạch mặc định” trong hoạt động hành chính nhà nước. Theo đó, thông tin do cơ quan hành chính tạo lập hoặc nắm giữ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công phải được mặc định công khai, trừ trường hợp pháp luật quy định là không công khai hoặc công khai có điều kiện. Nguyên tắc này giúp thay đổi điểm xuất phát: thay vì người dân phải chứng minh lý do cần biết, cơ quan nhà nước phải chứng minh căn cứ hợp pháp nếu muốn hạn chế tiếp cận. Đây là cách tiếp cận phù hợp với nhà nước pháp quyền và chính phủ mở.

Để vận hành nguyên tắc này, cần xây dựng danh mục thông tin công khai bắt buộc theo nhóm lĩnh vực có tác động lớn: ngân sách, đầu tư công, quy hoạch, đất đai, môi trường, đấu thầu, tuyển dụng công chức, bổ nhiệm, kỷ luật, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và phản ánh, kiến nghị. Mỗi danh mục cần có thời hạn cập nhật, định dạng công bố, cơ quan chịu trách nhiệm, mức độ dữ liệu mở và cơ chế khiếu nại nếu không công khai.

Hai là, sửa đổi, bổ sung pháp luật về tiếp cận thông tin theo hướng thực chất và số hóa.

Luật Tiếp cận thông tin cần được rà soát theo hướng tăng tỷ trọng công khai chủ động, mở rộng khả năng tiếp cận thông tin của tổ chức, doanh nghiệp trong các trường hợp phục vụ lợi ích hợp pháp và lợi ích công cộng; đồng thời, chuẩn hóa quy trình yêu cầu thông tin trên môi trường điện tử. Cần quy định rõ

hơn nghĩa vụ giải thích khi từ chối cung cấp thông tin: cơ quan từ chối phải nêu căn cứ pháp lý cụ thể, lý do áp dụng ngoại lệ, phạm vi thông tin bị từ chối và phương thức khiếu nại hoặc yêu cầu xem xét lại.

Bên cạnh đó, nên thiết lập cơ chế “cung cấp một phần” đối với tài liệu có cả nội dung được tiếp cận và nội dung cần hạn chế. Thay vì từ chối toàn bộ tài liệu, cơ quan nhà nước có thể che, ẩn danh hoặc tách phần thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh để cung cấp phần còn lại. Cách tiếp cận này giúp cân bằng quyền tiếp cận thông tin với các lợi ích cần bảo vệ; đồng thời, hạn chế tình trạng lạm dụng ngoại lệ.

Ba là, chuẩn hóa minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với thủ tục hành chính, cần chuyển từ công khai danh mục thủ tục sang minh bạch toàn bộ vòng đời hồ sơ. Mỗi hồ sơ nên có mã định danh, trạng thái xử lý, thời điểm tiếp nhận, thời điểm chuyển xử lý, cán bộ, công chức hoặc đơn vị phụ trách, căn cứ yêu cầu bổ sung, lý do gia hạn, thời điểm trả kết quả và kênh đánh giá độc lập. Thông tin cá nhân phải được bảo vệ, nhưng dữ liệu tổng hợp về tỷ lệ đúng hạn, trễ hạn, số lần yêu cầu bổ sung, tỷ lệ khiếu nại, mức độ hài lòng và trách nhiệm của đơn vị xử lý cần được công khai định kỳ.

6. Kết luận

Minh bạch trong hoạt động hành chính nhà nước là điều kiện nền tảng để kiểm soát quyền lực, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và xây dựng niềm tin công. Pháp luật Việt Nam đã hình thành khuôn khổ tương đối đầy đủ về tiếp cận thông tin, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, thủ tục hành chính, chính quyền số và phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, cơ chế bảo đảm minh bạch vẫn còn những hạn chế cần hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm minh bạch trên bốn định hướng: minh bạch mặc định, ngoại lệ theo luật định và được giải thích chặt chẽ; giải trình bắt buộc đối với việc sử dụng quyền lực hành

chính; số hóa quy trình gắn với truy vết trách nhiệm và bảo vệ dữ liệu cá nhân; giám sát độc lập đi đôi với chế tài khả thi. Khi các định hướng này được thể chế hóa đồng bộ, minh bạch sẽ không còn là yêu cầu hình thức mà trở thành phương thức vận hành của nền hành chính phục vụ, liêm chính và hiện đại. □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Nội vụ (2025). *Công bố kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024*.
- Bovens, M. (2007). Analysing and Assessing Accountability: A Conceptual Framework. *European Law Journal*, 13(4), 447-468. <https://doi.org/10.1111/j.1468-0386.2007.00378.x>.
- CECODES, RTA & UNDP (2025). *The 2024 Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI) Report*.
- Chính phủ (2019). *Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng*.
- Chính phủ (2021). *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030*.
- Chính phủ (2023). *Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân*.
- Hood, C. & Heald, D. (Eds.) (2006). *Transparency: The Key to Better Governance?* Oxford University Press.
- Nguyễn Thị Ngọc Linh (2026). Trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước: thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 362, tr. 14-19. <https://doi.org/10.59394/qlnn.362.2026.1445>.
- OECD (2017). *Recommendation of the Council on Open Government. OECD Legal Instruments*. OECD/LEGAL/0438.
- Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025*.
- Quốc hội (2016, 2026). *Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2026*.
- Quốc hội (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018*.
- Schedler, A. (1999). *Conceptualizing Accountability*. In A. Schedler, L. Diamond & M. F. Plattner (Eds.), *The Self-Restraining State: Power and Accountability in New Democracies*. Lynne Rienner Publishers.